

VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI KINH TẾ CÁ THỂ, TIÊU THỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Sự cần thiết khách quan phải cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ ở Việt Nam.

- *Cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ nhằm khơi dậy các tiềm năng kinh tế của kinh tế cá thể, tiểu chủ.*

Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp mà trước đây còn gọi là các hộ tiểu thương, tiểu thủ công nghiệp... vẫn chưa được quan tâm một cách đầy đủ. Tuy môi trường pháp lý kinh doanh đối với khu vực kinh tế cá thể đó được thay đổi rất nhiều, khuyến khích phát khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình này càng mạnh mẽ. Nhưng Luật Doanh nghiệp 2005 vẫn chưa thực sự coi trọng việc chính thức hoá bằng Luật đối với việc thành lập, hoạt động kinh doanh và giải thể của các cơ sở kinh doanh cá thể. Vì vậy, cách tiếp cận khởi niệm cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vẫn chưa thống nhất trong tên gọi và tiêu chí xác định như: Luật Thương mại, Cạnh Tranh, Doanh nghiệp và 1 số luật thuế ... mỗi luật lại có những điểm khác nhau trong thuật ngữ và các tiếp cận liên quan đến cơ sở sản xuất cá thể. Về chính sách thuế đối kinh tế cá thể thì rất bất cập, từ trước đến nay Nhà nước ta chủ trương ưu tiên phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nên kinh tế trang trại do các tiểu chủ đầu tư vào lĩnh vực này đó được quan tâm đúng mực, sau khi bỏ thuế nung nghiệp thì bộ phận kinh tế tiểu chủ đầu tư trang trại được hưởng chính sách miễn thuế, nhưng với kinh tế cá thể (hộ kinh doanh CTN dịch vụ) thì khụng được hưởng bất kỳ ưu đãi nào. Trước năm 1998 khi còn áp dụng Luật thuế Doanh thu, Luật thuế lợi tức các hộ KD thực hiện nộp thuế theo các luật này như các doanh nghiệp. Từ năm 1998, chúng ta cải cách chính sách thuế: Ban hành Luật thuế GTGT thay thế Luật thuế doanh thu để khắc phục tởnh trạng thuế đánh chồng lên thuế; Ban hành Luật thuế TNDN thay thế Luật thuế lợi tức có nhiều điểm ưu đãi cho các cơ sở kinh doanh mới thành lập ở địa bàn khó khăn, ưu đãi các ngành nghề kinh doanh Nhà nước khuyến khích phát triển. Tuy nhiên 2 Luật thuế mới này chỉ mới tính đến yếu tố phụ hợp và tạo điều kiện cho các DN phát triển, còn đối với hộ KD cá thể

gần như không phụ hợp, thậm chí họ còn gặp khó khăn hơn việc thực hiện 2 Luật thuế cũ. Ví dụ: Luật thuế doanh thu có ưu điểm là dễ hiểu, dễ tính thuế đối với họ hơn, còn Luật thuế GTGT phức tạp, đa phần họ không đáp ứng được các yêu cầu về kế toán, hoá đơn chứng từ nên trên thực tế họ vẫn nộp theo tỷ lệ trên doanh thu nhưng cách tính rồi rắm hơn, thiếu thống nhất giữa các địa phương.

Mặt khác đến nay, khu vực này vẫn chưa có tổ chức độc lập đại diện quyền lợi riêng cho mình. Điều này sẽ gây ra khó khăn trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp khuyến khích thành phần này phát triển. Trong cộng đồng sản xuất kinh doanh Việt Nam, các cơ sở kinh doanh cá thể không được coi là DN và bị tách khỏi cộng đồng DN Việt Nam. Trong khi đó, hầu hết các chính sách đều chủ yếu hướng tới chủ thể kinh doanh là DN. Do vậy, đến nay nước ta vẫn chưa có quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển và chính sách ưu đãi đầu tư cho kinh tế cá thể như đó thực hiện với các DN.

Vì vậy, điều cần thiết lúc này là chính thức hoá hơn nữa về mặt pháp lý cho các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, để từ đó xây dựng các chính sách phát triển thành phần kinh tế. Không thể một nguồn nội lực lớn của đất nước lại thiếu chính sách để phát triển. Bởi các cơ sở kinh doanh cá thể là tiền đề, bước đệm cho khu vực DN hiện nay cũng như trong tương lai, nếu mỗi cơ sở này được xem là 1 DN siêu nhỏ thì năm 2005 cả nước ra có trên 3 triệu DN đang hoạt động và đến cuối năm 2005, bình quân 26,2 người dân có 1 DN. Trong khi đó nếu chỉ tính số DN hoạt động theo Luật DN thì 723 người dân mới có 1 DN. Hiện nay, nước ta đang đặt mục tiêu có 500 ngàn DN có chất lượng vào 2010. Và một trong những cách đi nhanh và hiệu quả nhất là tạo điều kiện để các cơ sở kinh doanh cá thể phát triển trở thành doanh nghiệp.

- Cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ để chống thu nhập ngầm và các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp trong kinh tế cá thể, tiểu chủ.

Tính “ngầm” là đặc trưng khá phổ biến của nền kinh tế nước ta nói chung và của kinh tế tư nhân VN nói riêng. Kinh tế ngầm ở ta ước tính chiếm

khoảng hơn 50% GDP chính thức; và kinh tế ngầm có xu hướng tăng lên từ khoảng 30% năm 1997 lên 51% năm 2001(+).

Diện mạo kinh tế ngầm khá đa dạng:

- Những hộ kinh doanh nhỏ, thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo qui định của Pháp luật

- Các hộ kinh doanh cá thể không đăng ký kinh doanh. Số này chiếm khá lớn, có ước tính đến hơn một nửa số hộ kinh doanh cá thể hiện nay không đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật. Taxi “dù”, xe khách “dù” là trường hợp điển hình của loại này

- Có đăng ký kinh doanh, nhưng hoạt động kinh doanh không đúng theo qui định của pháp luật. Loại này cũng có nhiều dạng như: (1) kinh doanh các ngành, nghề ngoài ngành, nghề đăng ký kinh doanh; (2) không ghi chép và báo cáo tất cả các hoạt động kinh doanh, giấu doanh thu, lợi tức; (3) có thuê lao động nhưng không hợp đồng lao động, không đăng ký lao động; (4) kinh doanh các ngành, nghề phải có giấy phộp mà khụng xin phộp...

- Kinh doanh các ngành, nghề tư nhân không được quyền kinh doanh

Kinh tế ngầm qui mô lớn chứa đựng hàng loạt bất lợi cho chính bản thân các doanh nghiệp và nền kinh tế:

- Hạn chế cơ hội và qui mô kinh doanh do mối quan hệ góp vốn chủ yếu dựa trên quan hệ gia đình, họ hàng, thân quen, không thể phát triển đến qui mô lớn để tận dụng được lợi thế qui mô.

- Tạo ra dư địa lớn cho công chức nhà nước sách nhiễu, đui hối lộ và lạm dụng quyền lực phục vụ ý đồ, lợi ích cá nhân.

Kinh tế ngầm tác động bất lợi đến môi trường kinh doanh:

- Tạo ra môi trường kinh doanh không bình đẳng, không đáng tin cậy, bất lợi cho người kinh doanh trung thực, bất lợi cho khu vực chính qui.

- Tạo nên những yếu tố bất ổn, không lường hết rủi ro khi quyết định đầu tư.

- Không khuyến khích và tác đẩy tính sáng tạo, không khuyến khích đầu tư dài hạn, đầu tư qui mô lớn, đầu tư phát triển nguồn nhân lực...

Kinh doanh ngằm với qui mô lớn và phổ biến làm cho các doanh nhân không dám lên tiếng phản đối, tố cáo công chức nhà nước vi phạm luật pháp; không dám phờ bình, phản đối chính sách bất hợp lý, lồi làm việc thiếu trách nhiệm, thậm chí phi pháp của công chức nhà nước. Điều đó đến lượt nó tiếp tục dung túng, nuôi dưỡng ý thức “nhờn” luật pháp, coi thường luật pháp, coi thường kỷ cương phép nước từ cả hai phía cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

Kinh tế ngằm sẽ không cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác để hoạch định các chính sách vĩ mô hợp lý; hiệu lực của các chính sách, hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu lực luật pháp càng hết sức hạn chế, thậm chí bị chệch hướng, vô hiệu hóa.

Kinh tế ngằm sẽ làm cho doanh nghiệp và sản phẩm giảm năng lực cạnh tranh cả ở tầm quốc gia, khó có thể hội nhập được với các hoạt động thương mại quốc tế để tận dụng hết được các cơ hội có được nhờ hội nhập, và rất dễ bị ra khỏi dòng vận động của kinh tế quốc tế, trở thành “ngoại vi” của nó. Một nền kinh tế như vậy có nguy cơ đẩy nước ta càng tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước khác, kể cả các nước trong khu vực.

Lý giải

Ngoài trình độ phát triển thấp của nền kinh tế, tính tự cung tự cấp và di sản của kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu trước đây, còn có một số nguyên nhân đáng lưu ý:

- Tõm lý xã hội nhờn chung vẫn chưa thiện cảm với người giàu. Vì vậy thói quen che giấu sự giàu có, che giấu thu nhập còn khá phổ biến.

- Sự giàu lòn một cách nhanh chóng đều bị đánh giá chính thức hay không chính thức là phi pháp, hoặc là do chiếm đoạt của công, hoặc do buôn lậu, trốn thuế...

Vấn đề là tại sao kinh tế tư nhõn vẫn có xu hướng phi chính thức, ngay cả những doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, đăng ký mó số thuế và mó số hải

quan. Núi cách khốc, cả các doanh nghiệp “chính thức” cũng cố giấu một phần khụng nhỏ doanh thu và lợi nhuận. Các điều tra nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới cho thấy luật lệ quá nhiều, quá phức tạp, không rừ ràng, được lý giải khụng thống nhất và nhất quõn của các cơ quan nhà nước đó là nguyên nhõn trước hết của tõnh trạng ngằm khỏ phổ biến và ở qui mụ lớn trong hoạt động kinh doanh.

Cái sự ngằm còn do thuế. Thật ra thuế suất các loại ở nước ta không cao hơn nhiều so với nhiều nước khác, nhưng mức thuế thực tế phải nộp thì thường rất cao, và người nộp thuế không dự tính được số thuế thực tế phải nộp. Trên thực tế, cán bộ thuế quyết định các khoản chi, mức chi hợp lý, hợp lệ và cả giỏ tính thuế để khấu trừ mức thu nhập chịu thuế. Trong không ít các trường hợp cán bộ thuế ấn định mức thuế các loại phải nộp ngay từ đầu kỳ và cuối kỳ chỉ làm các thủ tục giấy tờ “hợp thức hóa” số thuế đó nộp mà thôi.

- Cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ nhằm góp phần điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

Các cơ sở kinh doanh cá thể, tiểu chủ tham gia hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế quốc dân như: ngành sản xuất – dịch vụ truyền thống và cả lĩnh vực kinh doanh mới trong nền kinh tế thị trường. Các cơ sở có mặt trên mọi vùng kinh tế, các khu vực nông thôn và thành thị... Nếu chính sách thuế có sự thay đổi phù hợp thì chắc chắn có ý nghĩa lớn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo và tác đẩy phát triển nhiều mặt xã hội khốc. Khảo sát của Tổng cục Thống kê cho thấy, điểm yếu lớn nhất của các cơ sở kinh doanh cá thể là quy mô nhỏ bé và sản xuất manh mún. Mặc dù số lượng khá đông nhưng quy mô bình quân của mỗi cơ sở khá nhỏ, sử dụng khoảng 1,7 lao động/cơ sở, bình quân mỗi cơ sở chỉ có 43,7 triệu đồng vốn và 31,1 triệu đồng tài sản cố định. Bên cạnh đó, trình độ lao động thấp, với hơn 92% tổng số lao động chưa qua đào tạo. Điều này đó ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các cơ sở. Tuy quy mô nhỏ và còn nhiều hạn chế nhưng với số lượng đông nên sự đóng góp của các cơ sở cho nền kinh tế là rất đáng kể. Hiện nay, các cơ sở đang sử dụng một lực lượng lao động lớn, tính đến tháng 10/2005 là

5,58 triệu lao động. Trung bình mỗi năm, khu vực này tạo thêm 250 ngàn chỗ là mới. Tính chung cả giai đoạn 2001 - 2005, các cơ sở đó đóng góp 1/5 trong thành tích tạo 5 triệu việc làm mới. Bên cạnh đó, các cơ sở là nơi tiếp nhận một phần lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp lại DNNN cũng như chuyển đổi sản xuất nông nghiệp.

2. Nội dung cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ ở Việt Nam.

Hệ thống chính sách thuế của Việt Nam được đổi mới từ cuối những năm 80 cùng với việc chuyển đổi cơ chế của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần kinh tế. Mặc dù đó từng bước được cải cách và hoàn thiện từ năm 1990 đến nay, nhưng hiện tại chính sách thuế vẫn còn nhiều vướng mắc cần tiếp tục cải cách, sửa đổi.

Một là, hệ thống chính sách thuế hiện nay vẫn còn phức tạp và thiếu tính ổn định, làm cho chi phí quản lý thu thuế lớn, ảnh hưởng tới hiệu quả thu thuế, tạo điều kiện cho việc trốn thuế và bóp méo hệ thống thuế. Chưa phù hợp nguyên tắc chung của thặng lệ quốc tế là tính rừ ràng và có thể dự đoán trước của hệ thống chính sách thuế.

Hai là, việc quy định các sắc thuế thiếu tính rừ ràng, còn lẫn lộn trong chức năng của từng sắc thuế, thể hiện ở phạm vi của đối tượng chịu thuế, các mức thuế suất quá cao. Vì gặp nhiều loại thuế trong một sắc thuế. Ví dụ, Thuế tiêu thụ đặc biệt còn được sử dụng cho chức năng bảo hộ sản xuất trong nước, nên có sự phân biệt đối xử giữa một số mặt hàng nhập khẩu và sản xuất trong nước (như ô tô, thuốc lá...)

Ba là, hệ thống chính sách thuế được xây dựng để phục vụ nhiều mục tiêu trong từng sắc thuế, làm mất đi tính trung lập – một yếu tố dẫn tới hiệu quả trong phân bổ nguồn lực. Có nhiều mục tiêu trong chính sách thuế không thống nhất với nhau, do đó nếu đạt được mục tiêu này thì lại gây thiệt hại tới mục tiêu khác. Việc kết hợp các mục tiêu của chính sách xã hội trong các sắc thuế xét về khía cạnh xã hội là tốt, tuy nhiên nếu thực sự làm chính sách thuế trở nên phức

tạp, tạo ra sự bất bình đẳng trong kinh doanh, ảnh hưởng đến sự minh bạch của hệ thống thuế.

Bốn là, còn thiếu sự kết hợp hài hòa giữa các sắc thuế trong hệ thống chính sách thuế, giữa mục tiêu số thu cho ngân sách và mục tiêu kích thích sản xuất phát triển và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua từng sắc thuế.

Cải cách hệ thống chính sách thuế đối với bộ phận kinh tế cá thể là một mảng trong tổng thể những yêu cầu cần phải cải cách của hệ thống chính sách thuế, tuy số thu NSNN từ bộ phận này chiếm tỷ trọng khiêm tốn nhưng Vì nó ảnh hưởng đến hàng triệu người kinh doanh nên cần phải có sự quan tâm đặc biệt.

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài: *Cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể tiểu chủ*, ở phần trước chýng ta đó tập trung phân tích một số sắc thuế ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế cá thể. Theo chýng tui, để hạn chế tỡnh trạng thất thu từ kinh tế cá thể, tiểu chủ cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế với nội dung cụ thể và hình thức đa dạng nhằm nâng cao trình độ hiểu biết của các đối tượng nộp thuế để họ tự giác chấp hành. Một giải pháp không kém phần quan trọng đó là tổ chức việc trao đổi cung cấp thông tin và phối hợp giữa các cơ quan thuế, các ngành và các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ. Việc trao đổi thông tin trước hết là tăng cường sự phối hợp trong nội bộ cơ quan thuế và hệ thống thuế bao gồm các thông tin về kê khai, nộp thuế, mua và sử dụng hoá đơn, xác minh đối chiếu hóa đơn, các thông tin có liên quan đến khách mua và bán thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế các cấp. Cùng với đó là nghiên cứu và từng bước áp dụng các biện pháp quản lý thuế tiên tiến vào quản lý thuế đối với khu vực NQD, trong đó có bộ phận kinh tế cá thể, tiểu chủ. Thực hiện nhanh đồng bộ việc trang bị phương tiện máy tính với khai thác sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế. Và cuối cùng là việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Về phía ngành Thuế tổ chức lại đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện kiểm tra, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của cán bộ thuế.

Thông kê gần đây của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, trong số các DN thành lập mới hàng năm, có khoảng 25% có nguồn gốc hình thành từ các hộ kinh doanh cá thể. Khi chuyển thành DN, hộ kinh doanh cá thể sẽ có lợi thế hơn là được tiếp cận với các thị trường lớn (kể cả xuất khẩu), được thuê nhiều lao động một cách hợp pháp, có tư cách pháp nhân (con dấu) để giao dịch, có hóa đơn thuế giá trị gia tăng, được phép mở chi nhánh, có khả năng tiếp cận cổ phiếu (đối với công ty TNHH và cổ phần), có các quan hệ minh bạch đối với chính quyền dựa trên cơ sở pháp luật... để phát triển. Xét ở góc độ vĩ mô, hộ kinh doanh cá thể chuyển thành DN sẽ tăng cường được việc chuẩn hóa các điều kiện lao động và bảo vệ môi trường, có điều kiện và sự rừ ràng hơn trong phân cấp quản lý của chính quyền (nhất là ở các địa phương), bổ sung thêm nguồn thông tin đầu vào cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế, tăng nguồn thu cho ngân sách, củng cố được lòng tin của nhà đầu tư..., từ đó huy động được nhiều vốn hơn cho nền kinh tế.

Chỉ có điều, cơ chế cho việc chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành DN dường như vẫn còn bỏ ngỏ. Chủ trương của Đảng, Nhà nước là tạo điều kiện, giúp đỡ, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể liên kết hình thành các tổ chức kinh tế tự nguyện làm vệ tinh cho các DN, hoặc phát triển lớn hơn. Thế nhưng, chính sách tác động việc chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành DN còn mang tính hình thức, thiếu linh hoạt nên có không ít hộ kinh doanh cá thể quy mô hoạt động rất lớn nhưng họ vẫn không mặn mà với việc thành lập DN. Điều này đó giúp phần tạo ra sự bất bình đẳng trong kinh doanh.

Để tác động các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi sang mô hình DN, các nhà nghiên cứu chính sách và chiến lược phát triển cho rằng, cần phải có cơ chế thích hợp và các điều luật rừ ràng, chính xác, cụ thể điều chỉnh các hoạt động kinh doanh một cách thống nhất hơn, phù hợp hơn trong bối cảnh hội nhập WTO. Đặc biệt, phải làm cho các hộ kinh doanh cá thể thấy được hoạt động theo mô hình DN là cần thiết nếu họ muốn sự nghiệp kinh doanh ngày càng phát triển lớn hơn, hiệu quả hơn. Theo đó, chính quyền cấp tỉnh cần phải cải cách hành chính, cải tiến khâu quản lý nhà nước đối với các hoạt động của DN một cách

thân thiện, phục vụ; thực thi chính sách minh bạch, khách quan đối với tất cả các loại hình DN; hạn chế các quyết định chủ quan phân biệt đối xử để tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng; cần tránh làm phiền nhiễu DN. Ngoài ra, giảm bớt những khác biệt và tính chủ quan trong việc áp dụng hệ thống thuế nhà nước đối với các loại hình DN khác nhau... sẽ có tác dụng thúc đẩy hộ kinh doanh cá thể tích cực chuyển đổi thành DN.

Tuy nhiên, khi hộ kinh doanh cá thể chuyển thành DN, bên cạnh lợi thế để phát triển thì họ cũng phải chịu một số thiệt thòi như chi phí đăng ký tốn kém hơn, phải có kế toán trưởng được cấp chứng chỉ, phải công bố thành lập DN công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, có thể chịu thuế cao hơn, phải thực hiện báo cáo chính quyền và bị giám sát chặt chẽ hơn... Chính Vì vậy, nếu các chính sách về thuế, thanh tra, kiểm tra, các điều kiện tiếp cận thị trường... không được cải cách thông thoáng, thuận lợi sẽ là rào cản khiến các hộ kinh doanh cá thể ngại chuyển đổi thành DN và tiếp tục duy trì hoạt động theo mô hình cũ.

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình cải cách chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ ở Việt Nam.

- Đường lối đổi mới kinh tế của đất nước.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là: nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phũng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tởnh trạng kỏm phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trước mắt, phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm

2000. Trong 5 năm 2006 - 2010, mức tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phân đầu đạt trên 8%/năm. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước là nền tảng của các mục tiêu, định hướng của các ngành kinh tế, mà chính sách tài chính, chính sách thuế là những phần ngành cụ thể. Phát triển kinh tế tạo ra sự tăng trưởng kinh tế và đồng thời có sự hoàn chỉnh về mặt cơ cấu, thể chế kinh tế, chất lượng cuộc sống. Cuộc sống của đại bộ phận dân số trong xã hội sẽ trở nên tươi đẹp hơn: giáo dục, y tế, tinh thần của người dân được chăm lo nhiều hơn, môi trường được đảm bảo. Trình độ tư duy, quan điểm sẽ thay đổi cùng với sự mở cửa nền kinh tế, ý thức về thuế đầy đủ sẽ tạo điều kiện tăng cường quản lý Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân.

- *Định hướng cải cách chính sách thuế trong quá trình hội nhập.*

Việt Nam gia nhập WTO đó được gần 2 năm. Hội nhập buộc Chính phủ VN phải làm nhiều nỗ lực trong việc cải cách chính sách, đặc biệt là chính sách thuế. Bởi lẽ, chính sách này liên quan đến nhiều mặt kinh tế xã hội, khụng những đến sự củng cố nguồn lực tài chính công, kích thích tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế.

Theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế phải nhằm thiết lập một hệ thống thuế công bằng và hiệu quả, có khả năng tài trợ nhu cầu chi cần thiết của tiêu công. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập vào kinh tế thế giới, thì chính sách thuế đóng vai trò nhạy cảm đặc biệt. Như vậy, hệ thống thuế cần: (1) gia tăng đầy đủ nguồn thu để tài trợ nhu cầu chi tiêu cần thiết mà không phải viện đến sự vay mượn quá mức của khu vực công; (2) gia tăng nguồn thu trong cách thức đảm bảo công bằng và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động kinh tế; (3) gia tăng nguồn thu trong cách thức không làm chệch hướng đáng kể những thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

Là một công cụ của chính sách quản lý kinh tế, chính sách thuế phải hướng vào thực hiện các mục tiêu tổng thể của chính sách kinh tế mà Đại hội Đảng lần thứ X của VN đề ra là đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rừ rệt đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phũng, an ninh đợc tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đợc hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế đợc nâng cao.

4. Giải pháp hoàn thiện

Tuy nhiên, với tư cách là một công cụ trọng tâm của chính sách tài chính quốc gia, liên quan đến việc huy động và phân bổ các nguồn lực tài chính của xã hội, nờn vấn đề xuyên suốt của chính sách thuế là phải thực hiện các mục tiêu có tính đặc thù, đó là:

+ Giữ kỷ luật tài chính tổng thể để lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô. Nguồn thu từ thuế phải có khả năng tài trợ các nhu cầu chi tiêu cần thiết ngày càng tăng của Chính phủ mà không phải viện đến sự vay mượn quá mức của khu vực công. Theo tính toán của Bộ tài chính đợc xác định trong chiến lược phát triển tài chính đến năm 2010, thì tỷ lệ thu NSNN phải ở mức bình quân năm vào khoảng 20-21% GDP, trong đó thuế, phí và lệ phí đạt 18-19% GDP. Trên cơ sở đó, đảm bảo quy mô chi ngân sách nhà nước vào khoảng 24-25% GDP, không chế bội chi ngân sách nhà nước 4-5%GDP; bù đắp bội chi ngân sách bằng nguồn vốn trong nước khoảng 3-5% GDP và vay nước ngoài 1-1,5% GDP.

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút vốn đầu tư của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập và cam kết quốc tế nhằm tác đợc đẩy nền kinh tế tăng trưởng bền vững và thực hiện thành công chiến lược giảm nghèo.

+ Thuế phải là công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước có hiệu quả và hiệu lực. Thuế đi vào trong đời sống kinh tế - xã hội trên cơ sở thực thi một chính sách thuế minh bạch, công bằng, có tính luật pháp cao.

- *Xu hướng phát triển của kinh tế cá thể, tiểu chủ.*

Hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế hiện tại. Khung những giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tăng nguồn thu cho ngân sách... mà hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ còn là mạng lưới rộng lớn nhất, phát triển về tận những vùng xa, vùng khó khăn mà các lĩnh vực kinh doanh khác không đáp ứng được. Nhờ đó, hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ là kênh quan trọng phân phối và lưu thông hàng hóa tới vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn, giúp cân đối thương mại và phát triển kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay khu vực này vẫn đang trong tởnh trạng tự phát. Mặc dù trong các luật của Việt Nam thời gian qua đó đề cao vai trò và khuyến khích phát triển của kinh tế tư nhân, song những ưu đãi công như định hướng, hỗ trợ phát triển vẫn chỉ mới dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, chứ chưa hướng vào hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ. Theo thống kê điều tra, chỉ có khoảng 35% số hộ đăng ký kinh doanh nờn có ảnh hưởng đến việc tính GDP.

Theo Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, Trung tâm hỗ trợ DN vừa và nhỏ VCCI, khó khăn thách thức đối với hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ tập trung vào các vấn đề tài chính, tiếp cận thị trường và nguồn thông tin, tiếp cận với cơ quan Nhà nước, công nghệ bao gồm công nghệ quản lý, kinh doanh và công nghệ thụng tin... Chính Vì điều này hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ không được cập nhật những tiến bộ mới trong kinh doanh, mà vẫn làm theo khuynh hướng kinh tế gia đõnh, phát triển tự nhiên, khụng có khuynh hướng mở rộng quy mô để tiến lên chuyển sang doanh nghiệp, để hưởng những điều kiện thuận lợi và có cơ hội hơn.

Trong kế hoạch 500.000 doanh nghiệp (DN) vào 2010, lực lượng được kỳ vọng chính là các hộ KDCT. Bởi vậy, cần định hướng cho sự phát triển của các

hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ trong quá trình phát triển, mở rộng quy mô nên chuyển thành doanh nghiệp.

Theo các chuyên gia, việc chuyển đổi mô hình từ hộ kinh doanh sang DN là xu hướng tất yếu khi nền kinh tế nước ta hội nhập sâu, vận hành thông qua những mô hình kinh tế hoạt động “chính tắc” là DN. Đó cũng là nhu cầu tự thân của những hộ kinh doanh “đu lông đu cánh” để đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường và tìm đối tác trong và ngoài nước.

Lợi thế của hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ khi chuyển thành DN là sẽ được tiếp cận với các thị trường lớn (kể cả xuất khẩu), được thuê nhiều lao động, có tư cách pháp nhân (con dấu) để giao dịch, có hóa đơn thuế giá trị gia tăng, được phép mở chi nhánh... Quan trọng hơn là, trở thành DN sẽ cho phép người chủ có khả năng tiếp cận cổ phiếu (đối với Cty TNHH và cổ phần) để đáp ứng nhu cầu tăng vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Mô hình DN có sự bảo đảm về pháp lý nên mỗi đơn vị có thể chủ động các quan hệ kinh tế với đối tác và được pháp luật thừa nhận, DN có quyền đối thoại với chính quyền... để yêu cầu giải quyết những vấn đề liên quan trong suốt quá trình hoạt động, phát triển.

Hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ chuyển đổi thành DN sẽ có cơ sở chuẩn hóa được các điều kiện lao động và bảo vệ môi trường, có sự rừ ràng hơn trong phân cấp quản lý của chính quyền, nhất là ở địa phương. Các DN sẽ là nơi cung cấp thông tin đầu vào chính xác cho cơ quan chức năng trong việc hoạch định chính sách vĩ mô, điều chỉnh cơ chế chính sách cần thiết đối với DN. Từ đó, Nhà nước cũng có được lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước, giúp huy động được nhiều vốn hơn cho nền kinh tế.

Tuy vậy, đến nay chính sách liên quan đến việc chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ thành DN còn thiếu và bất cập. Chủ trương của Đảng, Nhà nước là tạo điều kiện, giúp đỡ, khuyến khích hộ KDCT liên kết hình thành các tổ chức kinh tế tự nguyện làm vệ tinh cho DN, hoặc phát triển lớn hơn thành DN. Thế nhưng, chính sách tác động việc chuyển đổi hộ KDCT thành DN mới chỉ mang tính hành chính, thiếu linh hoạt, nên nhiều hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ có qui

mô hoạt động lớn nhưng không mặn mà với việc thành lập DN. Mặt khác, khi chuyển thành DN, hộ KDCT phải chịu chi phí đăng ký tốn kém hơn, phải có kế toán trưởng được cấp chứng chỉ, có thể chịu thuế cao hơn, thực hiện báo cáo chính quyền và bị giám sát chặt chẽ hơn... Vì vậy, chính sách về thuế, thanh tra, kiểm tra, các điều kiện tiếp cận thị trường... mà không thông thoáng, thuận lợi sẽ là rào cản khiến hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ tiếp tục duy trì hoạt động theo mô hình cũ.

Để tác động hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ chuyển sang mô hình DN, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, cần phải có những điều luật rừ ràng, chính xác, cụ thể, điều chỉnh hoạt động kinh doanh thống nhất hơn và có cơ chế thích hợp. Phải làm cho hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ thấy được hoạt động theo mô hình DN là cần thiết nếu họ muốn phát triển lớn hơn, hội nhập thị trường một cách chính quy hơn. Chính quyền cấp tỉnh cần cải tiến việc thực hiện quản lý Nhà nước đối với hoạt động của DN, triệt để thực hiện cải cách hành chính. Một thực tế thú vị là, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã cùng bố kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh. Cộng đồng DN cũng như chính quyền các địa phương coi đó là thước đo cho việc cải thiện môi trường kinh doanh, thể hiện mức độ chăm sóc DN hoạt động tại từng địa bàn và là động cơ cho chính quyền thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả trợ giúp DN. Một làn sóng mới nhằm tôn vinh DN đã hình thành và đặt ra yêu cầu thực thi chính sách minh bạch, khách quan đối với tất cả các loại hình DN, hạn chế các quyết định chủ quan có thể gây ảnh hưởng đến DN... Cần tránh việc tăng cường thanh tra và làm phiền DN khi thực hiện các chính sách khác nhau đối với các loại hình DN, nhất là DN ngoài quốc doanh. Việc giảm bớt những khác biệt và chủ quan trong việc đặt mức thuế cho DN mới hình thành cũng sẽ có tác dụng thúc đẩy hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ tích cực chuyển đổi thành DN.

- Môi trường quản lý thuế ở trong nước:

+ Nội dung của các sắc thuế:

Để thực hiện quản lý thu thuế tốt, mục trường xã hội, mục trường pháp lý núi chung hay về thuế núi riêng, một số thể chế quản lý kinh tế và xã hội liên quan công phải được ban hành và thực hiện một cách đồng bộ. Nếu hệ thống thuế đối với các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ quá phức tạp, qui định không rừ ràng, thủ tục hành chính về thuế rườm rà sẽ khó khăn cho cả cán bộ thuế và người nộp thuế. Ví dụ: biểu thuế có quá nhiều bậc thuế suất hoặc bước thuế suất lẻ; quy định về thu nhập chịu thuế, về các khoản giảm trừ gia cảnh...

+ Sự phối kết hợp của các tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế:

Trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức, cá nhân với việc quản lý thu thuế cần được qui định đầy đủ, rừ ràng trong các văn bản pháp luật hóa để các đối tượng nộp thuế phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong điều tra xác định mức thuế, thực hiện cưỡng chế về thuế...

Sự phối hợp với các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan công an, kiểm sát quản lý thị trường trong việc chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống làm hàng giả, chống trốn lậu thuế, chiếm đoạt tiền hoàn thuế... sẽ có tác dụng tốt trong việc phát hiện, xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật thuế.

+ Năng lực, trình độ của cơ quan quản lý thuế, cán bộ thuế:

Để tăng cường đổi mới quản lý Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân, năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ thuế, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là việc phát triển và ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý, tổ chức bộ máy cần phải được xây dựng theo mô hình nhất định và với cơ chế quản lý thích hợp, phù hợp với nền kinh tế xã hội, tận dụng được các thành tựu quản lý thuế quốc tế sẽ tạo điều kiện cho quản lý thu thuế đạt hiệu quả cao. Thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây:

+ Sự hiểu biết và trách nhiệm công dân của đối tượng nộp thuế:

Trước hết là do người nộp thuế phải hiểu sâu sắc về nghĩa vụ thuế và quyền thụ hưởng lợi ích từ khoản tiền thuế mà mình đóng góp; hiểu rừ về nội dung chính sách và nghiệp vụ tính thuế, kê khai và nộp thuế; nhận thức đỳng

trách nhiệm pháp luật về nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của mình. Do đó tính tuân thủ, tự nguyện cao trong việc kê khai, tính thuế và nộp thuế.



TTBD ĐBDC

